

# Nghi lễ gia đình của người Thái nhìn từ lý thuyết nghi lễ chuyển tiếp

Lê Hải Đăng \*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích những đặc trưng văn hóa của người Thái qua các ứng xử và thực hành nghi lễ gia đình. Trên cơ sở đó chỉ rõ vai trò của nghi lễ gia đình đối với việc giáo dục đạo đức, lối sống và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Nghi lễ; nghi lễ gia đình; người Thái.

## 1. Mở đầu

Ở Việt Nam, nghi lễ và đặc biệt là nghi lễ gia đình của các tộc người nói chung và người Thái nói riêng đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chỉ tả chứ chưa nghiên cứu sâu, toàn diện, có hệ thống về các nghi lễ gia đình của người Thái. Bài viết lý giải các hiện tượng nghi lễ gia đình của người Thái.

## 2. Nghi lễ gia đình của người Thái

Các nghi lễ gia đình của người Thái đã được định thành lệ, giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc và nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc, giáo dục quan hệ ứng xử trong gia đình cũng như xã hội cho mỗi thành viên cộng đồng, từ lúc sinh ra cho đến khi qua đời. Những giá trị đó đã được đúc kết và nuôi dưỡng trong suốt quá trình hình thành, tồn tại, vận động, biến đổi của tộc người. Nghi lễ gia đình giữ vị trí quan trọng trong đời sống của người Thái.

### 2.1. Nghi lễ sinh con

Với người Thái, sự ra đời của mỗi đứa trẻ không chỉ là sự kiện trọng đại của từng gia đình mà còn là niềm vui của cả dòng họ. Mỗi đứa trẻ, nhất là con trai ra đời, đáp ứng

nhu cầu về việc nối dõi tông đường và gia tăng thành viên trong họ tộc. Sản phụ Thái có thói quen sinh nở tại nhà với sự trợ giúp của bà đỡ “vườn”, hoặc là bà nội, bà ngoại. Họ thường chuyển những phụ nữ sắp sinh sang nằm ở gian bếp. Người Thái kiêng đi ở gian nhà chính, nơi có bàn thờ tổ tiên, vì sợ máu bắn làm ô uế linh hồn tổ tiên, khiến cho gia đình gặp nhiều chuyện xấu. Hơn nữa, sinh cạnh bếp lửa sẽ giúp người phụ nữ đỡ mất nhiệt sau khi “vượt cạn”.

Sau khi đưa trẻ ra đời, bà con tiến hành nhiều nghi lễ khác nhau như: lễ cấm *taleo*, lễ ra bếp (*oóc khọ*), lễ cúng mụ (*văn tóóc lóm*), lễ trừ ma làm hại (*xên phi tai*)... Về ý nghĩa, lễ cấm *taleo* để thông báo cho mọi người biết nhà có người đẻ, là dấu hiệu kiêng kỵ để ngăn người lạ lên nhà vào những ngày này vì sợ vía người đó có thể hại đến đứa trẻ, khiến nó biếng ăn, hay khóc về đêm, ốm đau... Trong khi đó, lễ ra

---

(\*) Tiến sĩ, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
ĐT: 0912151915. Email: lehaidang74@gmail.com.  
Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài mã số: IV2.2-2013.14.

bếp (*oóc khọ*) là nghi lễ quan trọng đầu tiên diễn ra trong cuộc đời của trẻ em Thái. Lễ được tổ chức nhằm tạ ơn thần bếp đã bảo vệ sản phụ và đứa trẻ mới chào đời khỏi bị ma xấu (*phi tai*) làm hại. Chính ánh lửa và sức nóng trong bếp có ý nghĩa xua đuổi tà ma, đồng thời hơi ấm tỏa ra từ đó sẽ làm cho sản phụ nhanh chóng hồi phục sức khỏe, giúp trẻ không bị nướm, ngứa. Sau đó, lễ cúng tổ tiên được thực hiện, hàm ý báo tin cho tổ tiên. Với nghi lễ này, họ hàng của trẻ sẽ chính thức tạ ơn ông bà tổ tiên đã phù hộ cho người mẹ có sức khỏe tốt để mang thai, sinh nở và đứa trẻ ra đời được khỏe mạnh, nhanh lớn. Với quan niệm bà mụ chính là người bảo vệ và dạy dỗ trẻ trong thời gian này nên người nhà cũng làm lễ cúng mụ (*văn tóóc lóm*) để tạ ơn. Ngoài ra, lễ *oóc khọ* còn có ý nghĩa công bố với tổ tiên, họ hàng và cộng đồng về sự xuất hiện của một thành viên mới trong xã hội.

Từ lúc ra đời cho đến trước khi làm lễ *oóc khọ*, vị thế ban đầu của đứa trẻ chỉ được giới hạn trong gia đình qua việc tiếp xúc chủ yếu với người mẹ, phần nào với người cha, ông bà và các thành viên khác cùng cư trú dưới một mái nhà. Đứa trẻ được cách ly với hầu hết những người ngoài thành phần vừa nêu để tránh mọi điều xấu có thể xảy đến. Khi làm lễ *oóc khọ*, vị thế này sẽ được thay đổi theo ba giai đoạn sau:

*Giai đoạn cách ly*: chuẩn bị thực hiện nghi lễ *oóc khọ*, đứa trẻ được tắm rửa sạch sẽ và được quấn tã mới, rồi được đặt nằm trong nôi ở gian bếp, cách ly với thế giới bên ngoài.

*Giai đoạn chuyển tiếp*: thời điểm thầy mo thực hiện nghi lễ *oóc khọ* và lễ cúng báo tổ tiên. Người mẹ ẵm đứa trẻ vái lạy thần bếp rồi sang gian *hoóng* vái lạy tổ tiên (sau

khi gia chủ đã cúng báo), sau đó làm lễ để gia đình bên ngoài đặt tên cho đứa trẻ; kể từ đây đứa trẻ đã có danh phận và chính thức là thành viên mới của dòng họ. Các nghi lễ nêu trên đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp từ vị thế cũ của đứa trẻ sang vị thế mới.

*Giai đoạn hội nhập*: giai đoạn cuối cùng trong nghi lễ chuyển tiếp vị thế xã hội của đứa trẻ sau khi sinh. Buổi lễ kết thúc, đứa trẻ sẽ được bế ra ngoài để giới thiệu với bà con lối xóm, tức là xuất hiện trước cộng đồng với một tên gọi chính thức và được cộng đồng chấp nhận như một thành viên mới. Lúc này, vị thế của đứa trẻ không còn bó hẹp trong gia đình nữa mà có thể gặp gỡ các thành viên khác trong cộng đồng; đồng thời, mọi người trong cộng đồng có thể bông, bế và chăm sóc nó.

Như vậy, lễ *oóc khọ* được xem là nghi thức chuyển đổi vị thế xã hội đầu tiên trong cuộc đời của đứa trẻ Thái; cho đến nay, nghi lễ đó vẫn tiếp tục duy trì trong cộng đồng.

## 2.2. Nghi lễ đám cưới

Tục cưới xin của người Thái gồm nhiều bước khác nhau như đi dạm (*pay dạm*), lễ thăm thàng (còn được hiểu là lễ ăn hỏi), lễ cưới (gồm lễ cưới nhỏ và lễ cưới lớn) và lễ lại mặt.

Lễ ăn hỏi, tuy không phải là nghi lễ đầu tiên nhưng quan trọng và mang nhiều ý nghĩa. Các lễ thăm thàng diễn ra đều đặn với đầy đủ lễ vật và nghi lễ nhằm tái khẳng định mong muốn kết thành thông gia của nhà trai và tiếp tục ghi nhận “chủ quyền” của chàng trai đối với cô gái. Hơn nữa, thông qua nghi lễ này, nhà trai muốn thông báo cho họ hàng, bà con trong bản biết rõ hơn mức độ khăng khít của cô dâu, chú rể tương lai và của hai bên gia đình. Có thể nói, việc thực hiện lễ ướm hỏi và lễ ăn hỏi

đã đánh dấu sự thay đổi vị thế xã hội của cô gái: từ vị thế của người con gái tự do sang vị thế của người đã được hỏi. Vì thế, từ nay, mọi quan hệ với người khác giới mà không phải là họ hàng đều bị hạn chế tối đa, nếu không muốn nói là cấm tuyệt đối. Đây chính là bước đầu của giai đoạn cách ly vị thế cũ, không chỉ của cô gái mà còn cả người bạn đời tương lai. Nói cách khác, họ đều đang ở giai đoạn tiền ngưỡng.

Đám cưới của người Thái là những nghi lễ quan trọng nhất, chính thức xác nhận đôi trẻ là vợ chồng. Lễ cưới đánh dấu sự kết thúc quá trình thử thách của nhà gái với chàng rể. Nhưng quan trọng hơn, các nghi lễ và tập tục trong đám cưới đã thể hiện những quan niệm về hôn nhân, quan hệ họ hàng, tâm lý, tình cảm, tình yêu đôi lứa của người Thái. Ngoài ra, thời điểm diễn ra lễ cưới chính thức được coi là giai đoạn ngưỡng, hay còn gọi là giai đoạn chuyển tiếp vị thế xã hội của đôi trẻ: từ đây, họ đã có gia đình, người con gái đã về làm dâu nhà chồng và người con trai đã sang làm rể nhà vợ. Từ cuộc sống độc thân, họ đã chuyển sang vị thế của đời sống vợ chồng.

Sau khi lễ cưới và các nghi lễ khác kết thúc, vợ chồng trẻ sẽ xuất hiện trước anh em họ hàng và bà con hàng xóm với vị thế mới được xác lập, cùng với vai trò và trách nhiệm mới. Họ không chỉ có nghĩa vụ hoàn thành bổn phận làm con, làm cháu bên họ nhà mình mà còn phải hoàn thành nghĩa vụ làm chồng, làm vợ và trách nhiệm với họ hàng hai bên nội - ngoại. Kể từ đây, vợ chồng mới cưới tái hòa nhập trở lại với cuộc sống cộng đồng như những thành viên khác. Đó là giai đoạn hậu ngưỡng hay còn gọi là giai đoạn tái hợp, tái hòa nhập cộng đồng.

### 2.3. Nghi lễ tang ma

Mỗi tộc người có quan niệm riêng về sự sống và cái chết, tương ứng với đặc điểm tâm lý và đặc trưng văn hóa của tộc người đó. Bởi thế, cách thức tiến hành các nghi lễ tang ma cũng khác nhau. Nhưng ý nghĩa của việc làm này là giống nhau. Với tất cả các tộc người, đó chính là hành vi biểu đạt tình cảm và nghĩa vụ của gia đình đối với người thân. Hơn nữa, do coi trọng việc thờ cúng, đặc biệt, do niềm tin vào sự tồn tại của một cuộc sống khác ở thế giới bên kia nên nghi lễ tang ma thường được tổ chức chu đáo, nhất là khi người mất là bậc sinh thành, với nhiều nghi lễ, như: lễ tắm xác và khâm liệm (*liệp hom*), lễ cúng xôi gà (*pa khau cáy tăng hua*), lễ khóc tiễn hồn người chết (*hày xóng*), lễ đưa tang (*cát hom*), lễ hạ huyệt (*chôm hom*), lễ mở cửa mả (*khay tu mả*), lễ cúng 100 ngày (*tháy pưóc*), lễ đoạn tang (*thào tang*).

Trong đám tang, người Thái biểu lộ hai trạng thái xúc cảm đối lập nhau: vừa tiếc thương người thân đã mất, vừa ghê sợ xác chết; vừa gắn bó, gần gũi với linh hồn thân thuộc đang quanh quẩn bên người chết, vừa sợ hãi mong lung trong những ám ảnh mơ hồ về hồn ma bóng quỷ... Những cảm xúc đó phần nào được phản ánh trong các nghi lễ tang ma, trong việc xử lý và trông coi thi thể người chết, khóc than... Tuy nhiên, với những nghi lễ bắt buộc trong đám tang, con người phải vượt qua sự ghê rợn, chế ngự nỗi sợ hãi, làm cho lòng kính trọng, tình gắn bó thiêng liêng “giành chiến thắng”.

Người Thái tin vào sự sống sau cái chết, tức là tin vào sự bất tử của linh hồn, vì thế tang lễ và những ứng xử với người thân qua đời có thể xem là biểu hiện của đức tin và triết lý về sự chuyển tiếp sau cái chết. Đồng thời, đó cũng là dịp để người sống thực hiện đạo lý với người đã khuất.

Ngoài ra, người Thái cho rằng cái chết là sự mất mát lớn của cả gia đình và cộng đồng. Vì thế, xét ở phương diện nào đó, các nghi lễ tang ma biểu hiện sự gắn kết giữa người sống và người chết. Đó cũng là “liều thuốc” làm giảm bớt nỗi đau buồn, sự sợ hãi, bối rối về tinh thần của người sống và là phương tiện để hàn gắn, cố kết cộng đồng, thiết lập lại sự cân bằng về tinh thần và tâm lý. Bởi vậy, sợi dây nối kết giữa người sống và người chết được duy trì càng chặt chẽ thì sự tiếp nối văn hóa và bảo tồn giá trị truyền thống càng được bảo đảm.

Nghi lễ tang ma của người Thái được tổ chức không chỉ để an ủi gia đình người chết mà còn là nghi lễ chuyển tiếp địa vị của người chết thành ma nhà hay ma tổ tiên (*phi hươn*). Quá trình đó được giải thích như sau: sau khi tắt thở, thi thể của người chết được người nhà tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới rồi đưa lên gian thờ ma nhà. Con cháu chuẩn bị những lễ vật cần thiết, rồi mời thầy mo về làm lễ khâm liệm và lễ cúng gà. Những nghi lễ này nhằm chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho cuộc hành trình dài trở về thế giới tổ tiên của người chết. Lúc này, người chết bị đặt vào trạng thái mơ hồ về ranh giới, không rõ thuộc hẳn về bên nào, không còn là người sống mà cũng chưa trở thành tổ tiên. Đó chính là lúc cách ly với vị thế cũ, hay còn gọi là tiền ngưỡng.

Các nghi lễ tiếp theo, trong đó có lễ khóc tiễn hồn, lễ đưa tang, lễ chôn cất và lễ mở cửa mả, là những nghi lễ chính và quan trọng nhất của một đám tang. Trong quá trình thực hiện các nghi lễ này, người chết ở giai đoạn *chuyển tiếp* hay còn gọi là giai đoạn *ngưỡng*. Đó là thời điểm nghi lễ phát huy hiệu lực trong việc loại bỏ cá nhân đó ra khỏi cộng đồng.

Lễ khóc tiễn hồn người chết về với thế giới tổ tiên được thầy mo thực hiện như một loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian với các áng mo được diễn xướng kết hợp với những điệu múa quạt trừ tà kéo dài hàng đêm. Bên cạnh đó còn có một số tục lệ do dân, rở thực hiện như giã máng, nhảy sạp, kéo co, tạo không khí vui vẻ, mừng cho người chết sắp được về *đắm chào*. Lễ hạ huyệt và lễ mở cửa mả chính thức khép lại chuỗi nghi lễ quan trọng nhất.

Kết thúc các nghi lễ trên, linh hồn người chết đã được thầy mo dẫn về với thế giới tổ tiên và được con cháu lập bàn thờ trong nhà với tư cách là ma nhà (*phi hươn*). Như vậy, vị thế cũ của người chết đã được thay thế bằng một vị thế xã hội mới, đó là vị thế tổ tiên. Đây là giai đoạn tái hợp hay hậu ngưỡng, tức là người chết trở về, tái hòa nhập thế giới tổ tiên, được con cháu thờ phụng.

Đến đây, nghi lễ chuyển tiếp đã kết thúc. Tuy nhiên, trong cuộc sống của người Thái vẫn còn nhiều nghi lễ khác tiếp tục diễn ra để duy trì sợi dây liên kết giữa tổ tiên và con cháu biểu hiện rõ nét nhất qua việc thờ cúng tổ tiên.

#### 2.4. Thờ cúng tổ tiên (*xên phi hươn*)

Người Thái quan niệm, sau khi qua đời, 80 hồn (*văn*) được chia làm ba loại là *văn tồn* (hồn gốc hay hồn chủ của một con người, nó ngự trên đỉnh đầu người đó khi còn sống, điều khiển hoạt động của những hồn khác và chi phối cảm xúc của con người), *văn pai* và *văn ngau phàu heo*. Cả ba loại linh hồn đó đều quanh quẩn bên người chết khi đang nằm trong nhà. *Văn pai* sẽ được thầy mo dẫn lên *đắm chào* ở *Mường Then*. *Văn ngau phàu heo* sẽ ngự ở ngoài nghĩa địa. *Văn tồn* sẽ được con cháu mời về nhà, ngự trên bàn thờ và trở thành

ma nhà (*phi hươn*). Người dân coi ma nhà là tổ tiên của mình. Như vậy, theo nhận thức của bà con, không phải tất cả các linh hồn trong cơ thể sống, khi chết đi đều trở thành ma tổ tiên (*phi hươn*), mà chỉ linh hồn gốc mới có chức năng đó.

Theo tập quán của người Thái, khi bố mẹ còn sống, người con trai không được phép lập bàn thờ riêng ở nhà mình, mọi hoạt động thờ cúng chỉ diễn ra bên nhà bố mẹ đẻ. Chỉ khi bố hoặc mẹ qua đời, họ mới được lập bàn thờ và linh hồn của bố mẹ sẽ ngự ở bàn thờ ma nhà, trở thành *phi hươn*. Những linh hồn trước đây được thờ như là ma nhà thì nay con cháu mời thầy mo cúng tiễn về *đăm* của tổ tiên trên *Mường Then* và trở thành ma dòng họ (*phi đăm*), hay còn gọi là tổ tiên ở *đăm*. Để dẫn linh hồn ông bà từ *phi hươn* về *phi đăm*, người dân phải tổ chức lễ cúng ra mắt (*păng oọc na*) *Then Ná* (một vị thần trong hệ thống *Then* của người Thái). Vị thần này có chức năng cho hồn đầu thai trở lại cõi trần. Trong các đám tang, lễ cúng trâu/bò thường để tế vị thần đó với mong muốn người mất có thể đầu thai trở lại làm người trong thời gian sớm nhất). *Phi đăm* không chỉ bao gồm linh hồn những người đã khuất của một gia đình mà của cả dòng họ. Tuy nhiên, linh hồn của những người chết trẻ, chết bất đắc kỳ tử thì không được về với tổ tiên ở *đăm*, mà chỉ thành *phi* tồn tại ở một tầng không trung nào đó.

Như vậy, quan niệm của người Thái về tổ tiên gồm hai cấp độ là ma nhà (*phi hươn*) và ma dòng họ (*phi đăm*). Việc thờ cúng ma nhà chỉ trong một đời, thế hệ tiếp theo qua đời sẽ thế vào làm ma nhà (*phi hươn*) để trông coi, phù hộ cho con cháu trong gia đình, còn ma nhà trước đó sẽ chuyển lên ngự ở vị thế cao hơn tại *Mường Then* và trở thành ma dòng họ.

Gian thờ ma nhà ở người Thái được gọi là gian *hoóng*. Theo Chăm Trọng [tr.9], nếu như ở Tây Bắc, người ta kiêng không lui tới gian *hoóng* vì nơi này chỉ để thờ cúng tổ tiên, thì với người Thái Nghệ An, gian *hoóng* đã biến thành nơi để tiếp khách, ăn uống, làm việc, ngủ nghỉ, tựa như gian *táng cõi* của người Thái Đen ở Tây Bắc. Theo chúng tôi, có lẽ, vì người Thái Nghệ An thờ tổ tiên ở trên chạn cao, nên gian *hoóng* truyền thống đã được giải phóng khỏi tục kiêng.

Theo truyền thống người Thái, lúc ăn Tết Cơm mới, việc quan trọng nhất là cúng tổ tiên. Bà con quan niệm, năm nay gia đình ăn nên làm ra, nuôi trâu được trâu, nuôi lợn được lợn, trồng lúa thì xum xuê, trĩu hạt là do ông bà, tổ tiên phù hộ. Bởi vậy, để tỏ lòng biết ơn, con cháu chọn hái những bông lúa nếp mấy nhất, đẹp nhất về để chuẩn bị đồ cúng tổ tiên. Lúa gặt làm cơm mới phải ở độ đang còn sữa trong hạt. Trước ngày mùa, bà con gặt một ít, đem về luộc chín rồi phơi khô, cất trên gác bếp, đến ngày Tết mang ra rang rồi giã làm cốm hoặc đồ thành xôi để cúng tổ tiên. Đây là đồ cúng không thể thiếu trong lễ Cơm mới. Một món quan trọng nữa trong các mâm cúng của người Thái là cá (*pá*), được chế biến nhiều kiểu nhưng chủ yếu là các món *pá moọc*, *pá thê*, *pá pinh*, *pá xỏm*. Ngoài ra còn có một số loại bánh như bánh chưng gói nhỏ (*tôm pom*), bánh chày (*tôm cọn tù*), bánh sừng dê (*tôm hẩu he*)... Bày biện xong, người ta bê mâm lên đặt ở gian thờ ma nhà. Gia chủ tự cúng (hoặc nhờ thầy mo) mời tổ tiên về hưởng thành quả lao động của con cháu và cầu xin tổ tiên tiếp tục phù hộ để sang vụ tới, con cháu làm ăn bằng hai, bằng ba vụ vừa rồi, nuôi trâu bò sinh sôi nảy nở thành đàn, thành lũ... Nếu được như vậy, con cháu không quên mổ gà, mổ lợn để mời tổ tiên...

Kết thúc lời cúng, gia chủ cùng con cháu ăn xôi, uống rượu, chúc nhau sang vụ mới thóc lúa đầy bờ, trâu bò đầy chuồng.

Hàng năm, khi tết đến, xuân về, mỗi gia đình Thái đều chuẩn bị những thực phẩm ngon nhất, đồ cúng tươi nhất để dâng lên tổ tiên; cầu xin tổ tiên phù hộ độ trì cho con cháu có sức khỏe tốt, không bị ốm đau bệnh tật, làm ăn thuận lợi, mùa màng bội thu, nuôi trâu được trâu, nuôi bò được bò... Nếu ứng nghiệm, năm sau, con cháu lại làm lễ cúng to hơn, đầy đủ hơn để cảm tạ tổ tiên.

Sang ngày đầu tiên của năm mới, từ sáng sớm, gia chủ đã thức giấc để chuẩn bị đồ cúng tổ tiên gồm rượu, gà, cá... Gia chủ có thể tự cúng hoặc phải nhờ thầy mo cúng giúp. Nếu cúng bài bản và mời tất cả các loại ma, như ma nhà, ma bản (*phi ban*), ma suối (*phi huối*), ma rừng (*phi pa*), ma trên trời (*Then*)... về ăn Tết, thì lễ cúng có khi kéo dài cả một buổi sáng. Sau khi cúng xong, mâm cỗ được đưa xuống, đó là lúc con cháu ăn uống vui vẻ, chúc tụng nhau những điều may mắn nhất, tốt đẹp nhất trong năm mới.

Ngoài ra, thờ cúng tổ tiên còn được thực hiện vào các dịp trọng đại khác của gia đình như dịp dựng vợ, gả chồng cho con cháu trong nhà, lễ lên nhà mới, lễ giải hạn, lễ ra bếp của trẻ sơ sinh...

### **3. Vai trò của nghi lễ gia đình hiện nay**

#### **3.1. Giáo dục đạo đức, lối sống và điều chỉnh hành vi**

Nghi lễ gia đình của người Thái là sinh hoạt mang tính tín ngưỡng dân gian, biểu hiện chân giá trị về đạo đức, lối sống, văn hóa; đó là nền tảng cho việc hình thành nhân cách của mỗi cá nhân và cộng đồng người Thái. Có thể dễ dàng nhận thấy giá trị của sinh hoạt tín ngưỡng dân gian là giáo dục đạo đức cá nhân, lối sống, hướng con

người đến chân - thiện - mỹ, góp phần duy trì đạo đức xã hội. Tuy nhiên, trong sinh hoạt, thực hành tín ngưỡng của người Thái vẫn còn đó yếu tố tiêu cực, đôi khi người dân ảo tưởng về niềm tin mù quáng và làm mất tính chủ động, sáng tạo. Vấn đề đặt ra là, cần nhận diện đúng vai trò của sinh hoạt tín ngưỡng trong đời sống xã hội ngày nay nhằm phát huy những giá trị tốt đẹp và hạn chế những tác động tiêu cực đối với việc hình thành và hoàn thiện đạo đức, lối sống cộng đồng người Thái.

Các nghi lễ gia đình của người Thái biểu hiện đời sống tâm linh, tổng hợp các hành vi của các cá nhân hay cộng đồng đã được mã hóa, có giá trị biểu tượng đối với những người thụ lễ và cả với những người chứng kiến, và nó được tạo dựng dựa trên sự nhất quán tư tưởng. Hành vi đó mang tính thiêng, thực hiện lặp đi lặp lại nhằm tôn thờ thế lực siêu nhiên của gia đình hay cộng đồng như ma nhà, ma bản... được biểu hiện qua việc thờ cúng và có nhiều dấu ấn gắn với sinh hoạt trong đời sống hằng ngày của người Thái. Việc thực hành nghi lễ đã trở thành truyền thống, khuôn mẫu, tập quán pháp mà mọi thành viên trong cộng đồng phải tuân thủ. Điều đó đã góp phần quan trọng trong việc định hình đạo đức, lối sống và cùng với pháp luật, quản lý có hiệu quả trật tự xã hội trong thiết chế bản mường. Như vậy, tính giáo dục về đạo đức, lối sống thông qua thực hành các nghi lễ gia đình là biểu hiện mang tính nhân bản sâu sắc. Nguyễn Đình Chú đã từng đề cao yếu tố tâm linh như sau: “Xin nhớ rằng, hiến pháp có chặt chẽ đến đâu, pháp luật dù có được quy định góc ngách đến đâu so với sự sống thiên hình vạn trạng vẫn còn khe hở. Cảnh sát trần gian dù có đông đủ nghiêm túc đến đâu (mà thực tế làm gì có nghiêm

túc cả) vẫn không đủ bao hết sự đời. Phải có thêm cảnh sát cõi âm, loại cảnh sát nằm ngay trong tâm linh mỗi người, không loại trừ ai, kể cả ông vua có quyền uy tối thượng trị vì trăm họ, mới mong đảm bảo có cuộc sống tốt lành nhiều hơn. Trong điều kiện thiện ác vốn dĩ cứ tranh chấp triền miên cùng nhân loại” [2].

Các hành vi, nghi thức, ý nghĩa của nghi lễ gia đình ở người Thái đều hướng con người làm việc thiện, tránh điều ác, tích đức, yêu mến và giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng. Bên cạnh đó, nó còn đề cao đức hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ, mối quan hệ giữa các thành viên dòng họ và với bà con trong bản. Những răn dạy về các mối quan hệ đó lâu dần trở thành quy chuẩn đạo đức, có tác dụng điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân theo chuẩn mực xã hội.

Niềm tin và các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng dân gian là nhu cầu tâm linh cơ bản không thể thiếu của người Thái. Một khi tín ngưỡng truyền thống bị lung lay hay khủng hoảng, cộng đồng mất lòng tin thì sẽ rối loạn hành vi, đạo đức xã hội dễ bị lệch chuẩn. Một cộng đồng người có niềm tin mãnh liệt, trong sáng sẽ tạo sự ổn định trong phát triển về mọi mặt cho cộng đồng đó.

### **3.2. Xây dựng, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa tộc người**

Các nghi lễ gia đình của người Thái được hình thành và phát triển qua một quá trình lịch sử lâu dài và đồng hành với tiến trình lịch sử của cộng đồng người, nên có thể xem nó là một phần di sản văn hóa của tộc người. Trong quá trình phát sinh và phát triển, các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng dân gian không chỉ đơn thuần chuyển tải niềm tin của mỗi cá nhân trong cộng đồng người mà còn có vai trò chuyển tải, tiếp thu, tiếp biến văn hóa, góp phần bảo tồn văn

hóa, duy trì đạo đức xã hội và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Quá trình đó ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tinh thần của cả tộc người và với tư cách là một bộ phận của ý thức hệ, tín ngưỡng dân gian mang lại cho cộng đồng những biểu hiện bản sắc văn hóa thể hiện qua hành vi ứng xử, đạo đức, lối sống, phong tục, tập quán, và biểu hiện trong các dạng thức văn hóa vật chất và tinh thần.

Những tín ngưỡng dân gian của người Thái được đúc kết, hình thành và phát triển cùng với cộng đồng và trở thành phong tục tập quán truyền thống, bản sắc văn hóa của cộng đồng; đó là những giá trị được Đảng và Nhà nước khuyến khích duy trì, gìn giữ và phát triển.

Tính cố kết cộng đồng là đặc trưng nổi bật trong các nghi lễ gia đình của người Thái, điều đó được biểu hiện qua các nghi lễ gia đình. Có thể nói, sống trong môi trường rừng núi với điều kiện tự nhiên không mấy hào phóng khiến cho người Thái ý thức được sự cần thiết của lao động đối với sự tồn tại. Không những thế, họ còn biết dựa vào nhau để chia sẻ những lúc khó khăn, mùa màng thất bát, cũng như khi hưởng thụ thành quả lao động của những vụ mùa bội thu. Những sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong lao động dần lan tỏa sang các khía cạnh khác của cuộc sống. Mỗi khi gia đình nào trong bản có đám, nhất là đám tang và đám cưới, người Thái thường đến giúp đỡ bởi họ biết rằng trong lúc diễn ra những sự kiện trọng đại, đặc biệt khi tang gia bối rối, gia chủ thường lúng túng trong xử lý công việc; lúc này, sự hiện diện của người dân trong bản để thăm hỏi, an ủi, chia sẻ là nguồn động viên lớn không gì có thể sánh được.

Các nghi lễ gia đình của người Thái biểu hiện đặc trưng văn hóa tộc người và sắc thái địa phương rõ rệt thông qua các quan niệm về thế giới, các nghi thức, tập quán, ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với thế giới siêu nhiên và giữa con người với thế giới tự nhiên. Có thể nói, quan niệm về cái chết gần như tương đồng tại hầu hết các tộc người ở Việt Nam và trên thế giới. Tuy nhiên, việc ứng xử với xác chết hay các nghi thức, nghi lễ trong đám tang lại không hoàn toàn giống nhau, do sự khác biệt về tâm lý tộc người và môi trường cư trú. Điều đó thể hiện sự phong phú, đa dạng văn hóa ở các tộc người. Tương tự, sự đa dạng về văn hóa còn biểu hiện qua các nghi lễ khác như trong sinh đẻ, cưới xin, thờ cúng tổ tiên, nghi lễ nông nghiệp...

#### 4. Kết luận

Nghi lễ gia đình mang lại nguồn thông tin dồi dào về văn hóa. Nó có vai trò to lớn đối với việc hình thành, thực hành và bảo tồn những giá trị về mặt văn hóa, xã hội, tâm lý tộc người... Nghi lễ gia đình có tầm quan trọng về tính hiệu năng trong việc làm biến đổi các mối quan hệ, cương vị xã hội và trật tự xã hội và nó có khả năng và sức mạnh biến đổi thực tế, và đặc biệt hơn là biến đổi mối quan hệ xã hội... Nghi lễ gia đình như là nguồn sống của xã hội, chính sự tập hợp cùng với người khác trong các nghi lễ đã khiến cho người dân trải nghiệm tư cách thành viên của mình trong xã hội và cảm thấy “sức mạnh chung của tập thể” - yếu tố giúp duy trì sự đoàn kết của cộng đồng. Nghi lễ gia đình chứa đựng thông tin về nguồn gốc của xã hội. Ngoài ra, nghi lễ gia đình của người Thái còn có vai trò quan trọng trong việc định hình và phát triển đạo đức, lối sống của tộc người. Nghi lễ gia

đình đánh dấu những bước chuyển tiếp trong cuộc đời của mỗi con người. Ngoài ra, các nghi lễ đó còn có vai trò điều chỉnh hành vi và biểu hiện giá trị văn hóa, tạo ra đặc trưng văn hóa và sắc thái địa phương của cộng đồng người Thái.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Báo *Thể thao và Văn hóa*, số 11 tháng 12.
- [2] Nguyễn Đình Chú (1996), *Văn hóa đại cương và văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2006), *Một số vấn đề lý thuyết và phương pháp nghiên cứu nhân học*, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] Lê Hải Đăng (2005), “Về tang ma của nhóm Tày Mường Con Cuông, Nghệ An”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 5 (74).
- [5] Lê Hải Đăng (2008), “Vài nét về tập quán truyền thống trong cưới xin của người Tày Mường ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 6.
- [6] Lê Hải Đăng (2013), *Nghi lễ gia đình của người Tày Mường ở Con Cuông, Nghệ An*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Mai Thanh Hải (2006), *Từ điển Tín ngưỡng - Tôn giáo Thế giới và Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [8] Hội Khoa học lịch sử Việt Nam (2006), “Những vấn đề Nhân học tôn giáo”, Tạp chí *Xưa và Nay*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [9] Cẩm Trọng (1995), *Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn, Nghệ An*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] Barfield, Thomas (2006), *Từ điển Nhân học*, Bản dịch tiếng Việt lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.

